



Original Article

A Comparative Study of Provisions on Criminal Liability of Legal Entities in the Criminal Law of Algeria, Morocco and Vietnam

Trinh Quoc Toan *

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 02 September 2021

Revised 10 September 2021; Accepted 22 September 2021

Abstract: This article presents a new research on a number of issues concerning corporate criminal liability from comparative law perspective in the criminal law of Algeria, Morocco and Vietnam, such as: History; legal persons are the subject of offences and the subject of criminal liability; scope of corporate criminal offences; elements of corporate criminal law; principles of attributing criminal liability to juridical persons, types of penalties and judicial/security measures applied to juridical persons committing crimes. On the premise of comparative law research, the article draws some conclusions and proposes recommendations to improve the provisions on corporate criminal liability in the current Penal Code of Vietnam.

Keywords: Criminal liability of legal entities, comparison of Criminal Laws of Algeria, Morocco, Vietnam, penalties for legal entities committing crimes.

* Corresponding author.

E-mail address: quoctoan@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4385>

Nghiên cứu so sánh các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật Hình sự An-giê-ri, Ma-rốc và Việt Nam

Trịnh Quốc Toàn*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 02 tháng 9 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 10 tháng 9 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 9 năm 2021

Tóm tắt: Bài báo này công bố kết quả nghiên cứu dưới góc độ so sánh một loạt các vấn đề về trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự An-giê-ri, Ma-rốc và Việt Nam, như: lịch sử, phạm vi, điều kiện áp dụng trách nhiệm hình sự của pháp nhân, nguyên tắc quy kết trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân, các loại hình phạt và biện pháp tư pháp/an ninh áp dụng đối với pháp nhân phạm tội. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu so sánh, bài báo rút ra những kết luận và đề xuất các kiến nghị lập pháp tiếp tục hoàn thiện chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Bộ luật hình sự hiện hành của Việt Nam.

Từ khóa: Trách nhiệm hình sự của pháp nhân, so sánh Luật Hình sự An-giê-ri, Ma-rốc, Việt Nam, hình phạt đối với pháp nhân phạm tội.

1. Dẫn nhập

Trách nhiệm hình sự của pháp nhân là chế định quan trọng được quy định trong luật Hình sự (LHS) của nhiều nước trên thế giới [1]. Ở Việt Nam, ngay từ thời kỳ thực dân phong kiến và sau năm 1945, LHS của chế độ Sài Gòn cũ (Việt Nam Cộng hòa) cũng như LHS của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng đã quy định trách nhiệm hình sự (TNHS) của pháp nhân, nhưng trong thực tiễn lại không áp dụng chế định này. Các nhà lập pháp và thực tiễn vẫn chung thủy với nguyên tắc truyền thống, đó là TNHS chỉ đặt ra với cá nhân người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm được quy định trong LHS chứ không thừa nhận TNHS của pháp nhân.

Tương tự như vậy ở các nước khác, trong một thời gian dài trước khi thiết lập TNHS của pháp

nhân trong LHS, các nhà nghiên cứu LHS cũng như thực tiễn luôn quan niệm là TNHS chỉ có thể đặt ra đối với cá nhân người phạm tội [2].

Ngày nay, với sự phát triển của khoa học LHS hiện đại ở nhiều nước [3], trong đó có Việt Nam đã thể hiện sự đổi mới mạnh mẽ trong nhận thức về chính sách hình sự (CSHS) mà trọng tâm là đổi mới quan niệm về tội phạm và hình phạt, về cơ sở của TNHS, về chính sách xử lý đối với một số loại tội phạm và loại chủ thể phạm tội, trong đó có chủ thể của tội phạm là pháp nhân, từ bỏ quan niệm thuần túy là chỉ có cá nhân phạm tội mới phải chịu TNHS, khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm¹. Bộ luật hình sự (BLHS) mới của Việt Nam được ban hành năm 2015 (sửa đổi năm 2017) đã chính thức quy định toàn diện về

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: quoctoan@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4385>

¹ Tờ trình số 186/TTr-CP của Chính phủ gửi Quốc hội về Dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi) ngày 27/4/2015; Tờ trình của Bộ Tư pháp gửi Chính phủ về dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi), tháng 1/2015.

vấn đề TNHS của pháp nhân thương mại (PNTM) phạm tội.

Mặc dù chế định TNHS của pháp nhân đã được ghi nhận trong BLHS hiện hành, nhưng đây là một vấn đề vẫn còn mới và phức tạp, nên không tránh khỏi còn có những hạn chế, thiếu sót nhất định về phương diện lập pháp; thực tiễn áp dụng chế định này của các cơ quan tiến hành tố tụng còn có những lúng túng nhất định², vì thế cần phải tiếp tục nghiên cứu trên phương diện lí luận và thực tiễn, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp hình sự của các nước khác trong đó có các nước Bắc Phi (trường hợp An-giê-ri và Ma-rốc) để hoàn thiện chế định này trong tương lai pháp luật hình sự (PLHS) Việt Nam.

2. Khái quát lịch sử vấn đề

2.1. An-giê-ri

An-giê-ri bị Pháp đô hộ hàng thế kỷ, chịu ảnh hưởng bởi pháp luật của Pháp. Sau khi giành được độc lập năm 1962, An-giê-ri đã tiến hành cải cách pháp luật, trong đó có LHS với việc ban hành BLHS năm 1966. Trước khi BLHS năm 1966 được sửa đổi, bổ sung năm 2004, cũng như Ma-rốc và các nước châu Phi khác [4], LHS An-giê-ri không chấp nhận TNHS của pháp nhân là một nguyên tắc chung. Mặc dù vậy, trong BLHS năm 1966 cũng như Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 1966 và một số luật chuyên ngành cũng đã có một số quy định liên quan đến nguyên tắc này.

Điều 9 (5) và Điều 7 BLHS năm 1966 (sửa đổi theo Luật số 89 - 05 ngày 25/4/1989) không quy định nguyên tắc TNHS của pháp nhân, nhưng lại thừa nhận khả năng áp dụng hình phạt giải thể và cấm pháp nhân tiến hành các hoạt động xã hội [5]. Đồng thời, Điều 647/2 BLTTHS năm 1966 [6] cũng đã đặt ra một số nguyên tắc liên quan đến tổ chức hồ sơ lí lịch tư pháp đối với các pháp nhân dân sự và PNTM bị kết án hình sự.

² BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

Đồng thời bên cạnh đó, một số đạo luật chuyên ngành cũng quy định về vấn đề TNHS của pháp nhân, ví dụ: Điều 5 Pháp lệnh số 96 - 22 ngày 9/7/1996 liên quan đến trừng trị các tội vi phạm pháp luật và quy chế về trao đổi hối đoái [7] đã xác định rõ pháp nhân chịu TNHS với tư cách là chủ thể của các tội phạm được quy định tại Điều 1 và Điều 2 của pháp lệnh này. Pháp nhân phạm tội chịu các hình phạt như: 1) Phạt tiền với mức tối đa là gấp 5 lần mức tiền phạt quy định trong điều luật quy định về tội phạm cụ thể; 2) Tịch thu các phương tiện vận chuyển đã được sử dụng vào việc gian lận. Ngoài ra, tòa án có thể áp dụng đối với pháp nhân phạm tội một hoặc toàn bộ các hình phạt sau trong thời hạn không vượt quá 5 năm, đó là: 1) Cấm các hoạt động thương mại quốc tế; 2) Loại trừ việc tham gia các hợp đồng giao thầu công hoặc mua sắm chính phủ; 3) Cấm kêu gọi gửi tiền tiết kiệm [8].

Ngày 10/11/2004, Quốc hội An-giê-ri đã thông qua hai đạo luật: Luật thứ nhất sửa đổi, bổ sung chương 3 về truy cứu TNHS đối với pháp nhân trong BLTTHS năm 1966 [9]. Luật thứ hai sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1966 [10] đã thiết lập hệ thống các hình phạt đối với pháp nhân phạm tội và đặc biệt là đã ghi nhận chính thức TNHS của pháp nhân là nguyên tắc chung của LHS tại Điều 51 bit. Đó là: "Pháp nhân, trừ nhà nước, các cộng đồng lãnh thổ địa phương và các pháp nhân theo luật công, chịu TNHS, trong khi luật có quy định, các tội phạm được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân, bởi các cơ quan hoặc người đại diện pháp luật của pháp nhân. TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của cá nhân là người trực tiếp thực hiện hoặc người tòng phạm về cùng các hành vi phạm tội" [11].

2.2. Ma-rốc

Trong gần nửa thế kỷ (từ năm 1912 đến năm 1956) Ma-rốc là xứ bảo hộ của Pháp và Tây Ban Nha, chịu ảnh hưởng của pháp luật của hai nước này. Nghiên cứu cho thấy, Ma-rốc cũng đã có quy định về TNHS của pháp nhân trong Luật Trừng trị các hành vi tội phạm xâm phạm các quy định về hối đoái [12]. Điều 13 của Luật này

quy định: “Trong khi tội phạm xâm phạm các quy định về hối đoái được thực hiện bởi người lãnh đạo, quản lý hoặc giám đốc của pháp nhân, hoặc một trong những người nói trên hành động nhân danh pháp nhân và vì lợi ích của pháp nhân, độc lập với việc truy tố chống lại những người nói trên, pháp nhân có thể bị truy tố và chịu các hình phạt tiền được quy định tại luật này”. Năm 1953 Ma-rốc ban hành BLHS [13], nhưng trong BLHS này vấn đề TNHS của pháp nhân không được đề cập đến.

Sau khi giành được độc lập năm 1956, Ma-rốc đã tiến hành soạn thảo BLHS mới để thay thế BLHS năm 1953. BLHS mới này được ban hành ngày 26/11/1962 và chính thức có hiệu lực thi hành ngày 17/6/1963. Trong BLHS năm 1962 vấn đề TNHS của pháp nhân được quy định chính thức tại Điều 127 và một số điều luật khác. Điều 127 BLHS quy định: “Các pháp nhân chỉ có thể bị trừng phạt bởi các hình phạt tiền và các hình phạt phụ được quy định tại các số 5,6 và 7 của Điều 36. Các pháp nhân cũng có thể phải chịu các biện pháp an ninh theo Điều 62” [14].

BLTTHS năm 1959 của Ma-rốc cũng có những quy định liên quan đến TNHS của pháp nhân. Các điều từ Điều 721 đến Điều 729 của BLTTHS này đòi hỏi Bộ Tư pháp thiết lập lý lịch tư pháp của pháp nhân dân sự và pháp nhân thương mại và được quản lý thống nhất và tập trung, trong đó ghi chép đầy đủ các bản án hoặc hình phạt áp dụng đối với pháp nhân cũng như đối với những người lãnh đạo của pháp nhân [15].

Bên cạnh việc quy định các hình phạt và biện pháp an ninh đối với pháp nhân phạm tội trong Phần chung, Phần các tội phạm của BLHS quy định cụ thể TNHS của pháp nhân đối với một số tội phạm cụ thể. Đồng thời cũng như LHS của An-giê-ri, trong một số đạo luật chuyên ngành của Ma-rốc cũng quy định tội phạm do pháp nhân thực hiện và phải chịu TNHS, ví dụ: Luật số 17-95 ngày liên quan đến các công ty

vô danh (sửa đổi, bổ sung theo các luật số 81-99, 23-01, 20-05, 78-12) [16]; Luật tự do về giá và cạnh tranh ngày 5/6/2000 [17]; Luật liên quan đến đấu tranh chống rửa tiền năm 2007³; Luật chống khủng bố năm 2015⁴; Bộ luật thương mại năm 1996 (sửa đổi nhiều lần, lần cuối là năm 2019) [18],...

2.3. Việt Nam

Sau Cách mạng Tháng tám năm 1945, nghiên cứu cho thấy thực tiễn xét xử của các Tòa án nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đều nghiêng về quy kết TNHS đối với cá nhân người phạm tội chứ không đề cập đến TNHS của pháp nhân, mặc dù cũng có văn bản pháp luật quy định TNHS của pháp nhân⁵.

Trong thời kỳ lịch sử tồn tại của chế độ Việt Nam Cộng hòa ở Miền Nam Việt Nam, một số văn bản pháp luật của chế độ này cũng có quy định TNHS của pháp nhân, như: Điều 33, Dự số 10, ngày 23/06/1952 quy định: “Trường hợp hội buôn, hiệp hội, nghiệp đoàn hoạt động trái với những điều khoản quy định về cách tổ chức và điều hành hội thì các giám đốc hay quản trị viên đều có thể bị truy tố, bị phạt bạc hoặc phạt giam, còn các tổ chức có thể bị tòa án giải tán”.

Đặc biệt là trong BLHS ngày 20/12/1972 của chính quyền Sài gòn trước đây đã quy định chính thức chế định TNHS của pháp nhân với tính chất là nguyên tắc chung trong LHS, cùng với TNHS của cá nhân. Điều 8 BLHS này quy định “Luật hình chi phối mọi thể nhân và pháp nhân cư trú trên lãnh thổ Việt Nam và mọi sự kiện xảy ra trên lãnh thổ này, kể cả không phận và hải phận”. Điều 69 quy định: “Thể nhân và pháp nhân đều có thể bị TNHS” và theo Điều 71 thì “Pháp nhân có thể bị xử phạt giải tán, phạt vạ và tịch thu tài sản”⁶.

Sau khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, nhà nước ta đã tiến hành pháp điển hóa LHS. Trong Dự thảo BLHS năm 1985 vấn đề TNHS của pháp nhân với tư cách là nguyên tắc

³ Xem Bulletin Officiel n° 5911bis du 19 safar 1432 (24 janvier 2011), p. 158.

⁴ Bulletin Officiel n° 6366 du 16 chaabane 1436 (4 juin 2015), p. 3027).

⁵ Xem: Điều 13 Sắc lệnh số 282/SL ngày 14/12/1956 do Chủ tịch Hồ Chí Minh kí kèm theo Luật về chế độ báo chí được Quốc hội thông qua bởi Luật số 100/SL/L002 ngày 20/05/1957.

⁶ Công báo Việt Nam Cộng hòa số 678/2 ngày 14/2/1973.

chung của LHS cũng đã được đề cập đến tại khoản 2 Điều 2: “Cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi chung là tổ chức) phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do người đại diện của mình thực hiện vì lợi ích của tổ chức đó”. Nhưng sau đó các quy định về TNHS của pháp nhân bị gác lại, BLHS năm 1985 được thông qua không còn có sự hiện diện của chế định này nữa, bởi Quốc hội cho rằng, “Hiện nay vấn đề này đối với ta còn mới, ý kiến còn khác nhau,... cần được tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn, chưa thật chín. Việc bổ sung chỉ đặt ra khi có đủ điều kiện”.

Đến khi pháp điển hoá LHS lần thứ hai với việc ban hành BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) vấn đề TNHS của pháp nhân lại một lần nữa được đưa ra thảo luận và được nhiều đại biểu quốc hội ủng hộ, nhưng vẫn chưa được ghi nhận trong BLHS, vì “đây là một vấn đề lớn, cần phải nghiên cứu kỹ, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của TNHS, khái niệm tội phạm, hệ thống hình phạt, các nguyên tắc áp dụng, quyền và nghĩa vụ của pháp nhân trong tổ tụng hình sự, ...” [2].

Ngày 30/12/2011, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 433/NQ-UBTVQH13 về việc thành lập Ban soạn thảo BLHS (sửa đổi). Sau bốn năm nghiên cứu toàn diện về mặt lý luận và thực tiễn, chế định TNHS của pháp nhân mới được chính thức thiết lập trong LHS Việt Nam với việc Quốc hội khóa XIII thông qua BLHS mới ngày 27/11/2015. Sau đó BLHS này được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

Do PNTM là chủ thể của tội phạm có những đặc điểm riêng so với chủ thể là người phạm tội, nên TNHS của PNTM có những nội dung có tính chất đặc thù liên quan đến các vấn đề, như: Cơ sở pháp lý của TNHS; đường lối xử lý, vấn đề tội phạm, giai đoạn phạm tội, đồng phạm, trường hợp loại trừ TNHS, hình phạt, biện pháp tư pháp, quyết định hình phạt và một số biện pháp miễn, giảm hình phạt, xóa án tích,... Chính vì những sự khác nhau cơ bản như vậy, nên BLHS Việt Nam đã quy định bổ sung một chương mới (chương XI) gồm 16 điều luật (từ Điều 74 đến Điều 89) với tiêu đề: Những quy định đối với PNTM phạm tội. Ngoài chương XI, BLHS còn sửa đổi,

bổ sung một số quy định về PNTM ở các chương khác của BLHS để có cơ sở pháp lý thống nhất xử lý các tội phạm do PNTM thực hiện.

3. Phạm vi và điều kiện của trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân

3.1. Pháp nhân - chủ thể của tội phạm

An-giê-ri và Ma-rốc là những nước chịu ảnh hưởng của truyền thống luật châu Âu lục địa, nên các pháp nhân cũng được phân chia thành các pháp nhân theo luật công và các pháp nhân theo luật tư.

Các pháp nhân theo luật công chịu sự điều chỉnh của luật công, được trao sứ mạng hoạt động vì lợi công và được hưởng đặc quyền riêng. Nó bao gồm Nhà nước, các cộng đồng lãnh thổ (chính quyền khu vực, tỉnh, xã) và các tổ chức công lập (các tổ chức trợ giúp, các bệnh viện, các trung tâm trợ giúp xã hội, các tổ chức văn hóa, các trường học đại học, Văn phòng thương mại và công nghiệp, văn phòng thủ công nghiệp, văn phòng nông nghiệp,...

Các pháp nhân theo luật tư chịu sự điều chỉnh của luật tư, có mục đích lợi nhuận hoặc phi lợi nhuận, gồm có các pháp nhân dân sự, thương mại.

Các pháp nhân dân sự như: Công ty quản lý và khai thác phương tiện, công ty kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê, công ty dân sự nghề nghiệp, các hiệp hội, các hội, đảng phái chính trị, các nghiệp đoàn,... [19].

Các pháp nhân thương mại, như: các công ty hợp danh, công ty hợp vốn đơn giản, công ty trách nhiệm hữu hạn một hoặc nhiều thành viên, công ty cổ phần, công ty hợp vốn cổ phần, công ty dự phần, các tổ hợp có tư cách pháp nhân [20].

Theo Điều 51 bit của BLHS An-giê-ri quy định, TNHS chỉ đặt ra đối với các pháp nhân theo luật tư, trong trường hợp các pháp nhân này thực hiện một trong những tội phạm mà BLHS hoặc các đạo luật chuyên ngành có quy định. Đối với nhà nước, các cộng đồng lãnh thổ địa phương và các pháp nhân theo luật công khác vấn đề TNHS được loại trừ, dù hành vi tội phạm được cơ quan

hoặc người đại diện của pháp nhân đó thực hiện vì lợi ích của pháp nhân.

Còn đối với Ma-rốc, nghiên cứu cho thấy LHS của nước này không có quy định nguyên tắc chung về TNHS như LHS An-giê-ri. Điều 127 và một số điều luật khác trong BLHS năm 1962 (được sửa đổi bổ sung nhiều lần) [21], cũng như trong các đạo luật chuyên ngành có quy định về TNHS của pháp nhân, không có quy định loại trừ TNHS đối với loại pháp nhân nào, dù đó là pháp nhân theo luật công hay pháp nhân theo luật tư. Tuy nhiên, nghiên cứu thực tiễn áp dụng TNHS của pháp nhân ở Ma-rốc cho thấy, TNHS được đặt ra đối với mọi pháp nhân theo luật tư, trong trường hợp tội phạm được cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân thực hiện vì lợi ích của pháp nhân. Nhà nước được quy định không bị chịu TNHS về mọi tội phạm do cơ quan hoặc người đại diện của Nhà nước thực hiện, tức là đối với Nhà nước TNHS được loại trừ hoàn toàn. Còn các cộng đồng lãnh thổ địa phương và các bộ phận cấu thành của nó (châu, tỉnh, thành phố, xã,...) được hưởng quy chế hạn chế về TNHS. Các pháp nhân này chỉ phải chịu TNHS đối với hành vi phạm tội được cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân thực hiện trong khi tiến hành các hoạt động có thể là đối tượng của thỏa thuận ủy quyền dịch vụ công [22].

Như vậy, cũng như LHS các nước thành viên thuộc Tổ chức hài hòa hóa pháp luật kinh doanh châu Phi (OHADA) có quy định TNHS của pháp nhân, LHS của An-giê-ri và Ma-rốc đều quy định TNHS của pháp nhân được áp dụng đối với mọi loại pháp nhân theo luật tư, dù đó là pháp nhân vì mục đích lợi hay phi lợi, dù là pháp nhân dân sự hay là PNTM nếu có tư cách pháp nhân [30].

Còn đối với Nhà nước, cộng đồng lãnh thổ (cơ quan chính quyền khu, tỉnh, xã), cũng như các pháp nhân theo luật công khác, trong khi LHS của An-giê-ri quy định loại trừ TNHS đối với các pháp nhân này (tức là đối với tất cả các loại pháp nhân theo luật công), thì LHS của Ma-rốc cũng như nhiều nước thành viên tổ chức OHADA lại quy định chỉ có Nhà nước được loại trừ hoàn toàn TNHS, còn đối với các cộng đồng lãnh thổ địa phương và các bộ phận

của nó chỉ phải chịu TNHS đối với tội phạm được thực hiện trong khi tiến hành các hoạt động có thể là đối tượng của thỏa thuận ủy quyền dịch vụ công [4].

Ở Việt Nam, khoản 2, Điều 2 và khoản 1 Điều 8, BLHS năm 2015 chỉ quy định PNTM mới phải chịu TNHS khi thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 75 BLHS này. TNHS của pháp nhân chỉ đặt ra đối với PNTM, đó là tổ chức thỏa mãn ngoài bốn điều kiện: i) Được thành lập hợp pháp; ii) Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; iii) Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; iv) Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập; còn phải hội tụ hai điều kiện: i) là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận; ii) và lợi nhuận được chia cho các thành viên.

PNTM bao gồm các doanh nghiệp, ví dụ như công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên, công ty cổ phần, tập đoàn kinh tế, tổng công ty có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác theo Luật Doanh nghiệp năm 2014. PNTM còn bao gồm các tổ chức kinh tế khác như: Hợp tác xã, Liên hợp hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012,...

3.2. Các loại tội phạm quy kết cho pháp nhân

Nghiên cứu LHS của An-giê-ri, Ma-rốc và Việt Nam cho thấy TNHS của pháp nhân chỉ đặt ra đối với những tội phạm cụ thể, nếu BLHS hoặc đạo luật chuyên ngành có quy định [23], tức là TNHS không đặt ra đối với mọi tội phạm do pháp nhân thực hiện.

3.2.1. An-giê-ri

Quyển 3, Phần 2, BLHS An-giê-ri quy định, pháp nhân là chủ thể của tội phạm và phải chịu TNHS đối với những loại trọng tội và khinh tội sau:

- Các trọng tội và khinh tội chống lại an ninh nhà nước (chương 1, tit 1), đó là: Các trọng tội phản bội và gián điệp (từ Điều 61 đến Điều 64); Các tội khác xâm hại nền quốc phòng hoặc kết cấu quốc gia (từ Điều 64 đến Điều 76); Âm mưu và các tội phạm khác chống lại chính quyền nhà nước và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia (từ Điều 77 đến Điều 83); Các trọng tội gây rối

loạn Nhà nước bằng các hành vi tàn sát hoặc tàn phá (từ Điều 84 đến Điều 87); Các trọng tội khủng bố hoặc hoạt động lật đổ (từ Điều 87 bit đến Điều 87 bit 10); và các trọng tội thực hiện bằng hành vi tham gia phong trào nổi dậy (từ Điều 88 đến Điều 90) và các tội phạm khác (từ Điều 91 đến Điều 96).

- Các trọng tội và khinh tội xâm hại trật tự công cộng (chương 5, tit 1), đó là: Các tội xúc phạm và bạo lực đối với người thi hành công vụ và các thiết chế của Nhà nước (từ Điều 144 đến Điều 149); Các tội phạm liên quan đến mai táng và sự kính trọng người chết (từ Điều 150 đến Điều 154); Các tội phá niêm phong và chiếm giữ nhà giam công (từ Điều 155 đến Điều 159); Tội làm ứ tập và truy lạc (từ Điều 160 và tiếp theo); các trọng tội và khinh tội của những người cung ứng hàng hóa cho quân đội (từ Điều 161 đến Điều 164); Các tội vi phạm quy định về sòng bạc, sỏ sỏ (từ Điều 165 đến Điều 169); Các tội liên quan đến công nghiệp, thương mại và đấu giá tài sản công (từ Điều 170 đến Điều 175 bit).

- Các tổ chức tội phạm và trợ giúp người phạm trọng tội (Điều 176, chương 6, tit 1)

- Các tội làm giả (chương 7, tit 1), đó là: Các tội liên quan đến tiền giả (từ Điều 197 đến Điều 204); Các tội làm giả con dấu của Nhà nước và búa dấu, các loại tem và nhãn (từ Điều 205 đến Điều 213); Các tội giả mạo giấy tờ (từ Điều 205 đến Điều 229); Tội khai báo gian dối và vi phạm lời thề trước tòa (từ Điều 232 đến Điều 241); Lạm quyền hoặc sử dụng trái phép quyền hạn, chức vị hoặc nhân vật có tên tuổi (từ Điều 242 đến Điều 253 bit).

- Các trọng tội và khinh tội chống lại con người (chương 1 tit 2), đó là: Tội giết người, tội ám sát, tội giết cha mẹ, giết con mới đẻ, đầu độc, tra tấn (từ Điều 254 đến Điều 263); Tội bạo lực cố ý (từ Điều 264 đến Điều 276 bit); Đe dọa (từ Điều 284 đến Điều 287); Tội vô ý làm chết người, tội vô ý gây thương tích (từ Điều 288 đến Điều 290); Các tội xâm phạm tự do cá nhân và nơi ở; bắt cóc (từ Điều 291 đến Điều 295); Các tội gây hại danh dự, sự kính trọng, đời sống riêng tư của con người và tiết lộ bí mật (từ Điều 296 đến Điều 303 bit 3); Tội buôn bán người, tội

buôn bán nội tạng, buôn bán trái phép người di trú (từ Điều 303 bit 4 đến Điều 303 bit 41).

- Các trọng tội và khinh tội xâm phạm tài sản (chương 3, tit 2), đó là các tội trộm cắp và cưỡng đoạt (từ Điều 350 đến Điều 371 bit); Tội lừa đảo và phát hành séc không đảm bảo khả năng thanh toán (từ Điều 372 đến Điều 375 bit); Tội lạm dụng tín nhiệm (từ Điều 376 đến Điều 382 bit).

- Tội rửa tiền (từ Điều 389 bit và tiếp theo).

- Các tội xâm hại hệ thống xử lý tự động hóa các số liệu (từ Điều 394 bit và tiếp theo).

- Các tội liên quan đến phá sản (Điều 383 và Điều 384); Tội xâm phạm bất động sản (Điều 386); Tội chứa chấp vật phạm pháp (từ Điều 387 đến Điều 389); Tội hủy hoại, làm hư hỏng và gây thiệt hại; chiếm đoạt các phương tiện giao thông (từ Điều 395 đến Điều 417 bit 2).

- Các tội liên quan đến gian lận trong việc bán hàng hóa, làm giả lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh (từ Điều 429 đến Điều 435, tit 4).

- Ngoài các trọng tội và khinh tội nêu trên, pháp nhân còn bị chịu TNHS đối với các tội vi cảnh theo Quyển 4, BLHS.

Ngoài BLHS, một số đạo luật chuyên ngành cũng quy định các tội phạm do pháp nhân thực hiện và phải chịu TNHS, ví dụ:

- Luật ngày 25/12/2004 liên quan đến phòng ngừa và trừng trị việc sử dụng chất ma túy và các chất hướng thần [24].

- Luật số 05 - 01 ngày 6/2/2005 (sửa đổi năm 2012) liên quan đến phòng ngừa và đấu tranh chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố [25].

- Luật số 06 - 01 ngày 20/2/2006 liên quan đến phòng ngừa đấu tranh chống tham nhũng). Điều 53 của luật này quy định pháp nhân phải chịu TNHS về những tội phạm được quy định từ Điều 25 đến Điều 52, tit 4 theo đúng những quy định của BLHS [26].

- Luật ngày 11/12/2006 về đấu tranh chống buôn lậu [27].

- Luật về thuế trực thu và các loại lệ phí tương tự quy định TNHS của pháp nhân tại Điều 303 (9) [28].

- Luật ngày 2/7/2018 liên quan đến sức khỏe [29].

- Luật số 18 - 07 ngày 10/7/2018 liên quan đến bảo vệ các cá nhân trong xử lý các số liệu thuộc về đời tư [30],...

3.2.2. Ma-rốc

Theo Phần các tội phạm của BLHS của Ma-rốc, pháp nhân là chủ thể của tội phạm và phải chịu TNHS đối với các tội phạm sau:

- Các tội phạm liên quan đến khủng bố (Điều 218, 1-2, 5);
- Các tội bạo lực được thực hiện trong hoặc nhân khi thi đấu thể thao hoặc cổ vũ cho hoạt động thể thao (từ Điều 308,1 - 13);
- Các tội phân biệt đối xử (Điều 431-1);
- Các tội liên quan đến rửa tiền (từ Điều 574, 1 - 7).

TNHS của pháp nhân cũng được quy định trong nhiều đạo luật chuyên ngành, ví dụ như:

- Luật số 26 - 03 liên quan đến chào mua công khai trên thị trường chứng khoán ngày 21/4/2004 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 46-06) [31];
- Luật số 43 - 05 liên quan đến đấu tranh lại tội phạm rửa tiền ngày 17/4/2007 (được sửa đổi và hợp nhất năm 2013) [32];
- Luật số 19 - 14 ngày 25/8/2016 liên quan đến thị trường chứng khoán, công ty chứng khoán và tư vấn đầu tư tài chính [33];
- Bộ luật thương mại năm 1996 và được sửa đổi bổ sung nhiều lần và hợp nhất ngày 19/12/2019 [34];...

3.2.3. Việt Nam

Theo khoản 1, Điều 8, BLHS Việt Nam, PNTM có thể là chủ thể của mọi tội phạm được quy định trong Phần các tội phạm của BLHS, đó có thể là các tội phạm được thực hiện bằng lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý. Tuy nhiên, theo khoản 2, Điều 2, BLHS quy định thì “chỉ PNTM nào thực hiện một trong những tội phạm quy định tại Điều 76, BLHS mới bị truy cứu TNHS”.

Điều 76, BLHS Việt Nam quy định PNTM chịu TNHS về các tội phạm được quy định trong 33 điều luật thuộc các nhóm tội phạm sau:

- Nhóm tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (chương XVIII, BLHS: các điều 188, 189 - 196, 200, 203, 209 - 211, 213, 216, 217, 225 - 227, 232, 234);
- Nhóm các tội phạm về môi trường (Chương XIX BLHS: Các điều 235, 237 - 239, 242 -246);
- Nhóm tội phạm xâm phạm trật tự công cộng

(Chương XXI BLHS: Điều 300, Điều 324).

3.3. Các điều kiện quy kết trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân

Nghiên cứu cho thấy trong BLHS của An-giê-ri và Việt Nam không chỉ quy định cụ thể các loại pháp nhân là chủ thể của tội phạm mà còn quy định phạm vi và điều kiện quy kết TNHS của pháp nhân.

Theo Điều 51 bit của BLHS An-giê-ri quy định, để quy kết TNHS đối với pháp nhân đòi hỏi phải thỏa mãn hai điều kiện sau:

Thứ nhất, tội phạm phải được hiện bởi cơ quan hoặc người đại diện theo pháp luật của pháp nhân.

Cơ quan của pháp nhân được hiểu là tổ chức được hình thành theo các quy định của pháp luật hoặc theo nội quy, quy chế của pháp nhân, tổ chức và hoạt động trên danh nghĩa các thực thể này. Người lãnh đạo pháp nhân là những người đứng đầu, quản lý trực tiếp, những người đại diện cho pháp nhân.

Thứ hai, tội phạm được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân. Lợi ích của pháp nhân có thể là lợi nhuận tài chính hay nhằm bảo đảm cho tổ chức, hoạt động của pháp nhân hay những mục đích khác của pháp nhân.

Trong khi đó, khoản 1 Điều 75, BLHS Việt Nam lại quy định TNHS chỉ đặt ra đối với PNTM nếu thỏa mãn các điều kiện sau: i) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; ii) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của PNTM; iii) Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM; iv) Chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 27 của BLHS.

Còn Điều 127 BLHS Ma-rốc thì không những không quy định phạm vi các loại pháp nhân phải chịu TNHS mà còn không quy định cụ thể các điều kiện quy kết TNHS đối với pháp nhân, tức là BLHS Ma-rốc không quy định nguyên tắc chung về TNHS của pháp nhân. Mặc dù vậy, nghiên cứu các quy định cụ thể trong các điều luật về tội phạm đối với pháp nhân, các án lệ của tòa án Ma-rốc cho thấy, cũng như Điều 51 bit BLHS của An-giê-ri, để buộc pháp nhân phải

chịu TNHS đòi hỏi phải thỏa mãn các điều kiện: i) Tội phạm được thực hiện bởi cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân trong khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân; ii) Tội phạm được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân [35 - 36].

3.4. Nguyên tắc quy kết tội phạm cho pháp nhân

Một vấn đề đặt ra là pháp nhân không tự mình thực hiện tội phạm mà phải qua trung gian các cá nhân người lãnh đạo, người điều hành, người quản lý khác hoặc thành viên cụ thể nào đó của pháp nhân, vậy làm thế nào có thể quy kết tội phạm cho pháp nhân.

Nhìn chung, LHS của An-giê-ri, Ma-rốc và Việt Nam khi quy định TNHS của pháp nhân đã nghiêng về học thuyết đồng nhất hoá sự mong muốn tập thể với ý muốn cá nhân. Xuất phát từ sự tương tự hình thức giữa pháp nhân và cá nhân, nhà làm luật đã quy kết sự biểu lộ các quyết định của tập thể vào sự tồn tại một ý chí thống nhất trong cá nhân của người lãnh đạo, điều hành, quản lý hoặc người đại diện của pháp nhân.

Pháp nhân tham gia vào quan hệ pháp luật là chủ thể bình đẳng, độc lập với các chủ thể khác, cho nên nó phải có tư cách pháp nhân, tức là có năng lực pháp luật và năng lực hành vi. Mọi hoạt động của pháp nhân được tiến hành thông qua hành vi của tập thể lãnh đạo hoặc cá nhân người lãnh đạo, điều hành hoặc người đại diện của pháp nhân. Khi những người này thực hiện chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân thì hành vi và ý chí của họ được đồng nhất hoá với pháp nhân, được coi như là hành vi và ý chí của pháp nhân [37].

Học thuyết đồng nhất hóa này nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của mối quan hệ biện chứng không thể tách rời giữa người đại diện hoặc thành viên khác của pháp nhân với pháp nhân. Pháp nhân không thể tham gia các quan hệ pháp luật mà không có những người trên, nhất là người đại diện của pháp nhân. Mọi hành vi của pháp nhân đều phải thông qua hành vi của người này; trong trường hợp họ thực hiện hành vi phạm tội nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân thì hành vi phạm tội đó được quy kết cho pháp nhân.

Việc truy cứu TNHS của pháp nhân đặt ra

một vấn đề cần giải quyết về mặt pháp lý là nếu pháp nhân phạm tội thì người lãnh đạo, điều hành hoặc người đại diện của pháp nhân hoặc thành viên khác của pháp nhân đó có bị truy cứu TNHS hay không?

Về vấn đề này, Điều 51 bit BLHS An-giê-ri đã quy định “... TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của cá nhân là người trực tiếp thực hiện hoặc người tòng phạm về cùng các hành vi phạm tội” và khoản 2, Điều 75, BLHS Việt Nam cũng quy định: “Việc PNTM chịu TNHS không loại trừ TNHS của cá nhân”. Có nghĩa là nếu cá nhân là người lãnh đạo, người đại diện của pháp nhân hoặc những thành viên khác của pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội thỏa mãn các điều kiện tại Điều 51 bit BLHS An-giê-ri hoặc khoản 1, Điều 75 BLHS Việt Nam nêu trên thì về nguyên tắc, cá nhân và pháp nhân đó cùng chịu TNHS đồng thời về hành vi phạm tội đó. Quy định này phù hợp với nguyên tắc công bằng, nguyên tắc đã phạm tội không tránh khỏi trách nhiệm trong LHS.

Tuy vậy không nên suy luận rằng, cá nhân người lãnh đạo, điều hành hoặc người đại diện của pháp nhân nhất thiết phải bị truy cứu TNHS và bị kết án mới dẫn đến pháp nhân phải chịu TNHS và ngược lại việc pháp nhân phạm tội không đương nhiên làm phát sinh TNHS của cá nhân là người lãnh đạo, điều hành hoặc người đại diện của pháp nhân đó. Điều luật nêu trên không quy định TNHS kép đối với cá nhân và pháp nhân phạm tội, nhưng nó đã chọn một nguyên tắc kết hợp có thể có của hai loại TNHS này.

Điều 127, BLHS của Ma-rốc không có quy định “TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của cá nhân”, nhưng khi nghiên cứu phân tích các điều luật về tội phạm trong BLHS và các luật chuyên ngành của Ma-rốc cho thấy có những quy định tương tự như Điều 51 bit của BLHS An-giê-ri hoặc như khoản 2 Điều 75, BLHS Việt Nam. Ví dụ: Điều 431-3 BLHS Ma-rốc quy định, pháp nhân thực hiện một trong những hành vi phạm tội phân biệt đối xử quy định tại Điều 431-1 BLHS (ví dụ như hành vi phân biệt đối xử giữa các cá nhân hoặc giữa các pháp nhân về nguồn gốc, màu da, giới

tính, quan điểm chính trị,...) thì bị phạt tiền từ 1200 dirhams đến 5000 dirhams (dirham là tiền tệ chính thức của Ma-rốc), bảo lưu các quyền của bên thứ ba và không ảnh hưởng đến các hình phạt áp dụng đối với những người lãnh đạo, điều hành của pháp nhân. Hoặc theo Điều 218-1 về tội khủng bố quy định, trong khi chủ thể của tội phạm là pháp nhân, pháp nhân thì bị phạt tiền từ 1.000.000 dirhams đến 10.000.000 dirhams, giải thể pháp nhân, cũng như các biện pháp an ninh quy định tại Điều 62 BLHS, không ảnh hưởng đến các hình phạt có thể tuyên đối với những người lãnh đạo hoặc nhân viên của pháp nhân đã thực hiện tội phạm hoàn thành hoặc chưa hoàn thành [38].

4. Các hình phạt và biện pháp an ninh đối với pháp nhân phạm tội

4.1. An-giê-ri

Quyển 1 Phần thứ nhất của BLHS An-giê-ri quy định các hình phạt chính và hình phạt bổ sung đối với pháp nhân [39].

- Hình phạt đối với pháp nhân phạm trọng tội và khinh tội:

+ Hình phạt chính:

Điều 18 bit của BLHS quy định hình phạt chính đối với pháp nhân phạm tội này là hình phạt tiền với mức phạt tiền từ 01 đến 05 lần mức phạt tiền cao nhất mà điều luật về tội phạm quy định áp dụng đối với người phạm tội.

Trong trường hợp, điều luật quy định về trọng tội hoặc khinh tội chỉ quy định hình phạt khác không phải là hình phạt tiền đối với người phạm tội và TNHS của pháp nhân đã được xác định đúng theo các điều kiện quy định tại Điều 51 bit, thì mức cao nhất của hình phạt tiền đối với pháp nhân pháp nhân được quy định như sau: i) Phạt tiền đến 02 triệu dinar (dinar là đồng tiền chính thức của An-giê-ri), nếu điều luật về trọng tội quy định hình phạt tù hình hoặc hình phạt tù chung thân; 01 triệu dinar, nếu điều luật về trọng tội quy định hình phạt tù có thời hạn; ii) Phạt tiền đến 500 nghìn dinar, trong khi liên quan đến khinh tội (Điều 18 bit 2 BLHS).

+ Hình phạt bổ sung:

Đối với pháp nhân phạm tội, một hoặc nhiều hình phạt bổ sung sau được áp dụng: i) Giải thể pháp nhân; ii) Đóng cửa trụ sở hoặc một trong các cơ sở trực thuộc của pháp nhân trong thời hạn không vượt quá 05 năm; iii) Loại trừ việc tham gia hoạt động giao thầu công, mua sắm chính phủ trong thời hạn không vượt quá 05 năm; iv) Cấm vĩnh viễn hoặc trong thời hạn không vượt quá 05 năm, pháp nhân phạm tội thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp, một hoặc nhiều hoạt động nghề nghiệp hoặc xã hội; v) Tịch thu vật mà pháp nhân phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm hoặc do phạm tội mà có; vi) Niêm yết và công bố bản án kết tội đối với pháp nhân; vii) Đặt pháp nhân phạm tội dưới sự giám sát tư pháp trong thời hạn không vượt quá 05 năm, trong trường hợp pháp nhân tiến hành hoạt động dẫn đến tội phạm hoặc nhân cơ hội thực hiện hoạt động đó để phạm tội.

- Hình phạt đối với pháp nhân phạm tội vi cảnh

Theo Điều 18 bit 1 quy định hình phạt đối với pháp nhân phạm tội vi cảnh là hình phạt tiền với mức phạt tiền từ 01 đến 05 lần mức phạt tiền cao nhất mà điều luật về tội phạm quy định áp dụng đối với người phạm tội. Ngoài ra, hình phạt tịch thu vật được áp dụng đối với pháp nhân trong trường hợp được pháp nhân sử dụng vào việc thực hiện tội phạm hoặc là những vật do phạm tội mà có.

4.2. Ma-rốc

Theo Điều 127, BLHS Ma-rốc, các hình phạt đối với pháp nhân phạm tội bao gồm hình phạt tiền là hình phạt chính và các hình phạt phụ được quy định tại các số 5,6,7 của Điều 36, BLHS.

Các hình phạt phụ đối với pháp nhân gồm có:

1) Hình phạt tịch thu một phần tài sản thuộc sở hữu của pháp nhân bị kết án, không phụ thuộc vào việc tịch thu được quy định là biện pháp an ninh theo Điều 89 BLHS; 2) Giải thể pháp nhân; 3) Công bố quyết định của án.

Điều 62 BLHS quy định các biện pháp an ninh được áp dụng đối với pháp nhân phạm tội:

1) Tịch thu các vật có liên quan với tội phạm hoặc là những vật có hại hoặc nguy hiểm, hoặc

sở hữu bất hợp pháp; 2) Đóng cửa cơ sở đã được pháp nhân sử dụng vào việc phạm tội.

4.3. Việt Nam

Điều 33, BLHS Việt Nam quy định các loại hình phạt áp dụng đối với PNTM phạm tội bên cạnh các hình phạt đối với người phạm tội. Các hình phạt đối với PNTM phạm tội cũng rất đa dạng, bao gồm các hình phạt chính và các hình phạt bổ sung.

Các hình phạt chính: Hình phạt tiền; đình chỉ hoạt động có thời hạn và đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Các hình phạt bổ sung: Cấm kinh doanh; cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.

Trong số các hình phạt nêu trên, hình phạt tiền được quy định vừa là hình phạt chính vừa là hình phạt bổ sung áp dụng cho mọi tội phạm có thể quy kết cho PNTM. Mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và có xét đến tình hình tài chính của PNTM phạm tội, sự biến động của giá cả nhưng không được thấp hơn 50.000.000 đồng (Điều 77, BLHS).

Ngoài ra, đối với PNTM phạm tội Điều 82, BLHS Việt Nam quy định tòa án có thể áp dụng các biện pháp tư pháp như: 1) Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; 2) Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; 3) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.

5. Kết luận và đề xuất một số kiến nghị tiếp tục hoàn thiện các quy định về TNHS của pháp nhân trong BLHS năm 2015

5.1. Kết luận chung

Kết quả nghiên cứu các quy định về TNHS của pháp nhân trong LHS của An-giê-ri, Ma-rốc và Việt Nam có thể rút ra một số nhận xét sau:

Một là, khái quát lịch sử hình thành và phát triển của chế định TNHS trong LHS của An-giê-ri, Ma-rốc và Việt Nam cho thấy, trong một thời gian dài, LHS cũng như thực tiễn xét xử của Tòa

án ở các nước nghiên cứu đều chỉ nghiêng về nguyên tắc TNHS truyền thống: TNHS chỉ đặt ra đối với cá nhân người phạm tội, không thừa nhận TNHS đối với pháp nhân. Đổi mới chính sách hình sự với việc chấp nhận TNHS của pháp nhân và đưa chế định này vào trong LHS của mỗi nước là sự đòi hỏi có tính khách quan trước yêu cầu phòng, chống tội phạm do pháp nhân thực hiện. Quy định về TNHS của pháp nhân trong LHS không chỉ bảo đảm sự thống nhất chung của hệ thống pháp luật của mỗi nước mà còn nhằm thực thi các cam kết trong các điều ước quốc tế, bảo đảm công bằng giữa pháp nhân của mỗi nước ở nước ngoài và pháp nhân nước ngoài tại các nước đó...

Hai là, mặc dù LHS của An-giê-ri, Ma-rốc và Việt Nam đều quy định TNHS của pháp nhân, nhưng về kỹ thuật lập pháp quy định chế định này ở mỗi nước lại rất khác nhau. Trong khi BLHS Việt Nam dành chương XI quy định những đặc thù về TNHS của pháp nhân phạm tội thì trong BLHS của An-giê-ri và Ma-rốc các quy định về loại TNHS này lại nằm rải rác trong Phần chung BLHS.

Ba là, nghiên cứu luật hình sự của các nước An-giê-ri, Ma-rốc và Việt Nam cho thấy về nguyên tắc, không có BLHS dành riêng cho pháp nhân phạm tội, mà những quy định chung đối với người phạm tội trong Phần chung BLHS được áp dụng đối với pháp nhân phạm tội, trừ một số quy định đặc thù được áp dụng riêng đối với pháp nhân phạm tội được quy định trong BLHS cũng như một số quy định chung nhưng chỉ có thể áp dụng đối với cá nhân người phạm tội. Điều đó có nghĩa là những quy định về hiệu lực áp dụng của BLHS, phân loại tội phạm, lỗi, giai đoạn phạm tội, đồng phạm, một số trường hợp loại trừ TNHS, ... được áp dụng chung cho các tội phạm do người cũng như pháp nhân thực hiện. BLHS năm 2015 của Việt Nam nhấn mạnh nguyên tắc này ở Điều 74, theo đó PNTM phạm tội phải chịu TNHS theo những quy định của chương XI; theo quy định khác của Phần thứ nhất của BLHS không trái với quy định của chương XI là quy định.

Bốn là, LHS của An-giê-ri, Ma-rốc và Việt Nam quy định phạm vi pháp nhân là chủ thể của

tội phạm và là chủ thể của TNHS được giới hạn khác nhau, tùy theo điều kiện của mỗi nước.

BLHS Việt Nam quy định TNHS chỉ đặt ra đối với PNTM phạm tội. Còn BLHS của An-giê-ri thì quy định TNHS được áp dụng đối với pháp nhân theo luật tư (PNTM và pháp nhân dân sự). Trong khi đó ở Ma-rốc, theo thực tiễn áp dụng, TNHS không chỉ đối với mọi loại pháp nhân theo luật tư mà còn đối với cả các cộng đồng lãnh thổ và các cơ quan thuộc cộng đồng lãnh thổ; các pháp nhân này chỉ chịu TNHS đối với các tội phạm được thực hiện trong khi tiến hành các hoạt động có thể là đối tượng của thỏa thuận ủy quyền thực hiện dịch vụ cộng.

Năm là, LHS của An-giê-ri, Ma-rốc và Việt Nam đều quy định pháp nhân là chủ thể của tội phạm, nhưng chỉ phải chịu TNHS đối với các tội phạm mà điều luật về tội phạm có quy định. Mặc dù vậy, LHS mỗi nước quy định phạm vi các loại tội phạm quy kết cho pháp nhân lại rất khác nhau. Nếu như An-giê-ri và Ma-rốc quy định TNHS của pháp nhân đối với các tội phạm trong BLHS mà còn cả đối với tội phạm được quy định ở nhiều đạo luật chuyên ngành như đã trình bày ở trên thì Việt Nam quy định chỉ PNTM nào thực hiện một trong những tội phạm được quy định tại 33 điều luật được liệt kê ở Điều 76, BLHS mới phải chịu TNHS.

Sáu là, theo quy định của LHS thực định và thực tiễn áp dụng TNHS của pháp nhân ở An-giê-ri và Ma-rốc, để xác định TNHS đối với pháp nhân đòi hỏi phải thỏa mãn hai điều kiện: 1) Tội phạm được thực hiện bởi cơ quan hoặc người đại diện của pháp nhân; 2) Tội phạm được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân. Còn theo Điều 75, BLHS Việt Nam thì các điều kiện chịu TNHS của PNTM gồm có: 1) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM; 2) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của PNTM; 3) Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM; 4) Chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 27 của BLHS.

Bảy là, về nguyên tắc quy kết TNHS đối với pháp nhân. Nhìn chung, LHS của An-giê-ri, Ma-rốc và Việt Nam khi quy định TNHS của pháp

nhân đã sử dụng học thuyết đồng nhất hoá sự mong muốn tập thể với ý muốn cá nhân. Nếu tội phạm do cơ quan lãnh đạo hoặc người đại diện của pháp nhân thực hiện nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân thì tội phạm đó không chỉ quy kết cho cá nhân người phạm tội mà còn quy kết cho cả pháp nhân.

Tám là, về hình phạt. LHS các nước nghiên cứu đều quy định hình phạt chính và hình phạt bổ sung áp dụng với pháp nhân phạm tội. Trong khi LHS của An-giê-ri và Ma-rốc quy định phạt tiền là hình phạt chính duy nhất áp dụng đối với pháp nhân phạm tội thì LHS Việt Nam quy định ngoài hình phạt tiền còn có hình phạt chính khác, đó là hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

5.2. Đề xuất một số kiến nghị

Nghiên cứu so sánh các quy định về TNHS của pháp nhân trong LHS của An-giê-ri, Ma-rốc và Việt Nam cho thấy chế định TNHS của pháp nhân được quy định trong LHS Việt Nam là tương đối hoàn chỉnh so với LHS An-giê-ri và Ma-rốc. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy chế định TNHS của pháp nhân trong BLHS hiện hành vẫn còn những hạn chế, thiếu sót nhất định cần phải tiếp tục hoàn thiện để đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của Chiến lược cải cách tư pháp cũng như Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030 của Chính phủ.

Thứ nhất, BLHS năm 2015 của Việt Nam chỉ quy định PNTM là chủ thể của tội phạm. Trong khi đó, thực tiễn cho thấy những hành vi vi phạm pháp luật do các loại pháp nhân khác thực hiện ngày càng nhiều và đa dạng, gây ra những hậu quả tác hại rất lớn cho nhà nước, tổ chức và cho cá nhân nhưng không bị xử lý về mặt hình sự mà chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính là chưa thỏa đáng và chưa phù hợp với thực tiễn cũng như xu hướng vận động của loại tội phạm do pháp nhân thực hiện.

Để đảm bảo việc xử lý về hình sự đối với pháp nhân triệt để, công bằng và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm

trong tình hình hiện nay và xu hướng tương lai cần thiết phải quy định TNHS đối với không chỉ các PNTM mà còn cả các pháp nhân phi thương mại, như: các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, doanh nghiệp xã hội và các tổ chức phi thương mại khác, trừ Nhà nước, các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội. Mặc dù, các tổ chức được thành lập vì mục đích cụ thể tùy theo loại hình tổ chức nhưng không phải lợi nhuận. Các tổ chức này có thể thực hiện các hoạt động thu lợi nhuận nhưng đó không phải là mục tiêu thành lập tổ chức, hoạt động thu lợi nhuận đó được thực hiện nhằm mục đích tạo quỹ duy trì hoạt động cho tổ chức.

Thứ hai, BLHS năm 2015 của Việt Nam quy định PNTM chỉ chịu TNHS đối với các tội phạm được quy định tại Điều 76, BLHS là bó hẹp phạm vi TNHS của PNTM, hạn chế hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm. Thực tiễn cho thấy có nhiều hành vi vi phạm pháp luật được thực hiện bằng lỗi cố ý hoặc vô ý gây hậu quả rất lớn cho Nhà nước, xã hội và cá nhân nhưng lại không bị xử lý hình sự. Vì vậy, BLHS hiện hành cần quy định mở rộng TNHS của pháp nhân đối với các nhóm tội phạm khác trong Phần các tội phạm BLHS, như: Một số tội trong chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm danh dự của người khác (chương XIV); Các tội xâm phạm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân (chương XV); Các tội xâm phạm sở hữu (chương XVI); Các tội phạm về ma túy (chương XX); Các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (chương XXI); Một số tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính (chương XXII); Một số tội phạm về chức vụ (chương XXIII); Các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (chương XXVI).

Đối với những tội phạm nào, nếu pháp nhân thực hiện sẽ bị truy cứu TNHS, nhà làm luật cần quy định cụ thể trong điều luật về tội phạm đó, tức là cần có một hệ thống liệt kê cụ thể các tội phạm pháp nhân có thể thực hiện trong Phần các tội phạm BLHS, không nên quy định TNHS của pháp nhân được áp dụng có tính chất chung cho mọi tội phạm, có nghĩa, về mặt kỹ thuật lập pháp

không nên chấp nhận một hệ thống điều khoản chung quy định về TNHS của pháp nhân. Bởi vì cách lựa chọn này, trong thực tế gặp những khó khăn nhất định, nên khi áp dụng pháp luật, Tòa án buộc phải đưa ra những tiêu chuẩn cụ thể để xác định những tội phạm nào pháp nhân có thể thực hiện.

Đồng thời, theo những kiến nghị nêu trên thì tất cả các quy định của BLHS sử dụng thuật ngữ “pháp nhân thương mại” sẽ thay thế bằng thuật ngữ “pháp nhân”. Bên cạnh đó, BLHS sẽ bãi bỏ Điều 76. Việc nhà làm luật xây dựng Điều 76 với việc liệt kê danh sách các tội phạm có thể quy kết cho pháp nhân là không còn cần thiết.

Đồng thời Điều 2 sẽ sửa đổi như sau: “Chỉ người hoặc pháp nhân nào phạm một (hoặc nhiều tội) được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”.

Thứ ba, khoản 1, Điều 75, BLHS năm 2015 quy định bốn điều kiện để quy kết tội phạm và TNHS đối với pháp nhân. Theo, đó là: 1) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM; 2) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của PNTM; 3) Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM và; 4) Chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Quy định các điều kiện quy kết TNHS cho pháp nhân như trên vừa thừa lại vừa thiếu. Cụ thể, điều kiện thứ nhất và điều kiện thứ ba có sự trùng lặp, “vì thực tế, nếu hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM thì không thể lại có trường hợp không có sự chỉ đạo, điều hành, chấp thuận của PNTM và ngược lại, nếu đã có sự chỉ đạo, điều hành hay chấp thuận của PNTM thì chính là đã nhân danh pháp nhân rồi”. Ngoài ra, việc quy định điều kiện thứ tư “chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS,…” lại là không cần thiết, nếu vận dụng Điều 74, BLHS để áp dụng cho pháp nhân phạm tội.

Vì vậy, khoản 1, Điều 75, BLHS nên quy định như sau: “Các pháp nhân, trừ nhà nước, các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, chịu trách nhiệm hình sự về những hành vi phạm tội do người lãnh đạo, điều hành hoặc người đại diện của pháp nhân, nhân danh pháp nhân và vì lợi ích của pháp nhân thực hiện”. Đồng thời, đoạn 1, khoản 3, Điều 27, BLHS sửa đổi, bổ sung

như sau: “Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2, Điều này, người phạm tội hoặc pháp nhân lại thực hiện hành vi phạm tội mới mà Bộ luật này quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên 01 năm tù, thì thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới”.

Thứ tư, về hình phạt đối với pháp nhân phạm tội, cần bổ sung hình phạt bổ sung: “Niêm yết bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án hoặc đăng tải các bản án, quyết định đó trên báo chí hoặc trên các phương tiện truyền thông công cộng hoặc các phương tiện điện tử”. Đây là hình phạt có tính giáo dục và phòng ngừa riêng và chung cao, tác động trực tiếp đến uy tín, thương hiệu của pháp nhân phạm tội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Báo cáo giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự theo Bộ luật hình sự (sửa đổi), Tài liệu kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIII, 10/2015.
- [2] T. Q. Toan: Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự (sách chuyên khảo), Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [3] T. Q. Toan: Một số vấn đề về trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự của các nước theo truyền thống Common Law, Tạp chí Tòa án, số 18/9-2006, tr. 29-38; Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự các nước châu Âu lục địa, Tạp chí Nhà nước & Pháp luật, số 6 (194), 2005...
- [4] T. Q. Toan, Nghiên cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật hình sự Việt Nam và một số nước thuộc Tổ chức hài hòa hóa pháp luật kinh doanh châu Phi: Tiếp cận dưới góc độ so sánh, Tạp chí Khoa học, Luật học, Vol. 36, No. 1, 2020, 1-13.
- [5] <http://lexalgeria.free.fr/penal.htm>;
- [6] Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1966 (An-giê-ri).
- [7] http://www.invest.caci.dz/fileadmin/template/recueil/pdf/Ord_96-22.pdf.
- [8] <https://dspace.univouargla.dz/jspui/bitstream/123456789/7341/1/D0815.pdf>.
- [9] <https://www.joradp.dz/trv/fpenal.pdf>.
- [10] http://www.vertic.org/media/National%20Legislation/Algeria/DZ_Code_de_Procedure_Penal.pdf.
- [11] <https://www.joradp.dz/trv/fpenal.pdf>.
- [12] <https://www.tspartners.ma/documentation/documentation/change/Dahir.pdf>.
- [13] http://www.sgg.gov.ma/BO/fr/1953/bo_2142_fr.pdf.
- [14] <http://adala.justice.gov.ma/production/legislation/fr/Nouveautes/code%20penal.pdf>.
- [15] <https://adala.justice.gov.ma/production/html/fr/87865.htm>.
- [16] https://oriental.eregulations.org/media/Loi%2017_95%20relative%20aux%20SA.pdf.
- [17] <http://www.droitafrique.com/upload/doc/maroc/Maroc-Loi-1999-06-concurrence.pdf>.
- [18] <https://adala.justice.gov.ma/production/legislation/fr/Nouveautes/code%20de%20commerce.pdf>.
- [19] Bộ luật dân sự Algérie năm 1975 (sửa đổi, bổ sung năm 2005 theo Luật số 05 - 10 ngày 20/6/2005).
- [20] Quyển V Bộ luật thương mại Algérie <https://commerce.gov.dz/code-du-commerce>; <http://adala.justice.gov.ma/production/legislation/fr/Nouveautes/code%20de%20commerce.pdf>.
- [21] Code penal (Version consolidée en date du 15 septembre 2011) <https://www.ilo.org/dyn/natlex/docs/SERIAL/69975/69182/F1186528577/MAR-69975.pdf>.
- [22] M. A. Mouhatta, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật Maroc-<https://www.village-justice.com/articles/responsabilite-penale-des-personnes-morales-maroc,30722.html>;
- [23] Quyết định của Tòa hình sự Tòa án tối cao Ma-rốc số 659 ngày 02/06/1960, trích theo Amine MOQRAN: La politique de l'incrimination des personnes morales-[https://revues.imist.ma > RERJ > article](https://revues.imist.ma/article);
- [24] https://www.unodc.org/res/cld/document/dza/loi-04-18_html/algeria-loi04-18.pdf.
- [25] <http://www.droit-afrique.com/upload/doc/algerie/Algerie-Loi-2005-01-lutte-blanchiment-terrorisme.pdf>.
- [26] <https://www.joradp.dz/FTP/jofrancais/2006/F2006014.pdf>.
- [27] <https://www.ilo.org/dyn/natlex/docs/ELECTRONIC/74875/77395/F1955704081/DZA-74875.pdf>.
- [28] https://www.mfdgi.gov.dz/images/pdf/codes_fiscaux/Impot_Direct_Fr-LF2017.pdf.
- [29] <https://www.joradp.dz/FTP/JOFRANCAIS/2018/F2018046.pdf>.
- [30] https://www.ilo.org/dyn/natlex/natlex4.detail?p_lang=fr&p_isn=107253&p_count=1&p_classification=01.05.
- [31] http://www.casablancabourse.com/UserFiles/File/loi_26-03_OP.pdf.

- [32] https://adala.justice.gov.ma/production/legislation/fr/Nouveautes/Lutte_contre_le_blanchiment_de_capitaux.pdf.
- [33] <https://es.scribd.com/document/280278180/Maroc>
- [34] https://rnesm.justice.gov.ma/Documentation/MA/3_TradeRecord_fr-FR.pdf.
- [35] Elkhanni Abdeslam: La responsabilité pénale des sociétés anonymes selon la loi 17-95 – (maroclaw.com).
- [36] La responsabilité pénale des personnes morales en droit marocain. Par Mohammed Ait Mouhatta. (village-justice.com).
- [37] Simonart, La personnalité morale en droit comparé, Bruxelles, Bruylant, 1995, 256.
- [38] Code penal.pdf (justice.gov.ma).
- [39] <https://www.joradp.dz/trv/fpenal.pdf>.